

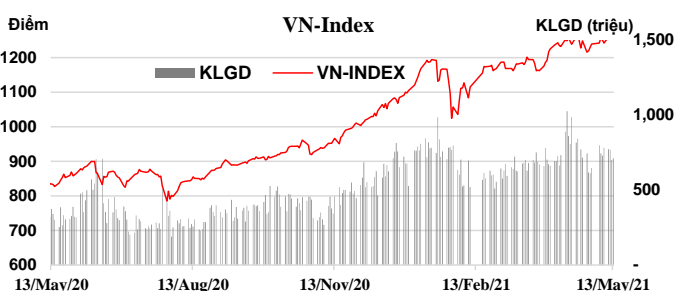
Kỳ hạn	Lãi suất LNH				Trái phiếu		
	VND	D/D	USD	D/D	Kỳ hạn	Lợi suất	D/D
ON	1.23	0.01	0.15	0.00	3Y	0.68	0.000
1W	1.31	0.03	0.19	0.00	5Y	1.16	0.013
2W	1.38	0.00	0.24	0.00	7Y	1.44	0.002
1M	1.44	-0.03	0.32	0.00	10Y	2.37	0.004
2M	1.50	-0.02	0.41	0.00	15Y	2.61	0.012
3M	1.59	-0.02	0.51	-0.02			
6M	1.96	0.06	0.83	-0.05			
9M	2.56	0.00	1.17	0.02			
1Y	3.09	0.05	1.25	0.03			

Nguồn: Reuters

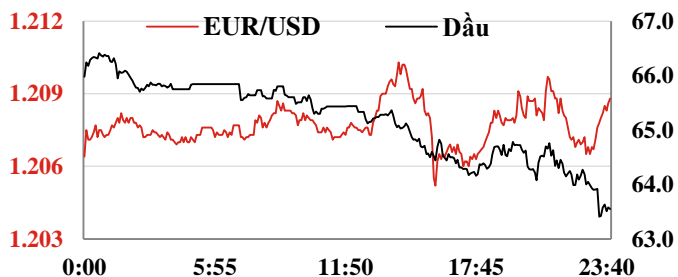
Giao dịch mua kỳ hạn trên OMO (tỷ đ)

Ngày	Phiên	Kỳ hạn (ngày)	Lãi suất (%)	KL gọi thầu	KL trúng	KL đến hạn	Bom/hút rỗng	KL lưu hành
13-05-21	1	7	2.50	1,000	-	-	-	-
12-05-21	1	7	2.50	1,000	-	-	-	-
11-05-21	1	7	2.50	1,000	-	-	-	-

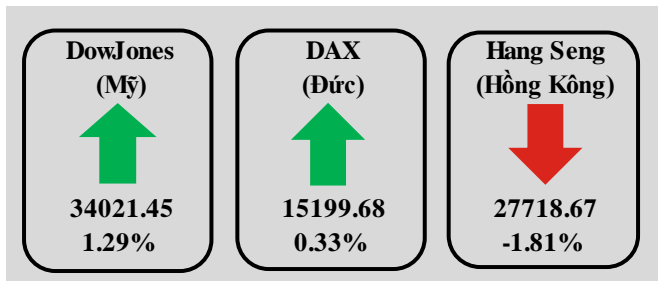
	VN-Index	HNX-Index	Upcom
Điểm	1261.99	287.03	81.17
%/ngày	-0.56%	1.66%	-0.37%
%/31/12/2020	14.32%	41.3%	9.0%
KLGD (tr.d.vi)	711.52	118.83	51.2
GTGD (tỷ đ)	21627.42	2591.27	798.04
NĐINN mua (tỷ đ)	962.41	18.49	0.42
NĐINN bán (tỷ đ)	2116.51	25.59	1.10


Tin trong nước ngày 13/05

- Thị trường ngoại tệ:** Phiên 13/05, tỷ giá trung tâm được NHNN niêm yết ở mức 23.168 VND/USD, tăng mạnh 19 đồng so với phiên trước đó. Tỷ giá mua kỳ hạn 6 tháng được giữ nguyên niêm yết ở mức 23.125 VND/USD. Tỷ giá bán được niêm yết ở mức 23.813 VND/USD, thấp hơn 50 đồng so với trần tỷ giá. Trên thị trường LNH, tỷ giá chốt phiên ở mức 23.056 VND/USD, giảm trở lại 09 đồng so với phiên 12/05. Tỷ giá trên thị trường tự do tăng 20 đồng ở chiều mua vào trong khi giảm 30 đồng ở chiều bán ra, giao dịch tại 23.270 - 23.320 VND/USD.
- Thị trường tiền tệ LNH:** Ngày 13/05, lãi suất chào bình quân LNH VND tăng 0,01 – 0,03 đpt ở các kỳ hạn ngắn trong khi giữ nguyên ở kỳ hạn 2W và giảm 0,03 đpt ở kỳ hạn 1M so với phiên trước đó, cụ thể: ON 1,23%; 1W 1,31%; 2W 1,38% và 1M 1,44%. Lãi suất chào bình quân LNH USD không thay đổi ở tất cả các kỳ hạn từ 1M trở xuống, giao dịch tại: ON 0,15%; 1W 0,19%; 2W 0,24%, 1M 0,32%. Lợi suất TPCP trên thị trường thứ cấp đi ngang ở kỳ hạn 3Y trong khi tăng ở các kỳ hạn còn lại, chốt phiên tại: 3Y 0,68%; 5Y 1,16%; 7Y 1,44%; 10Y 2,37%; 15Y 2,61%.
- Nghiệp vụ thị trường mở:** Phiên hôm qua, NHNN tiếp tục chào thầu 1.000 tỷ đồng trên kênh cầm cố với kỳ hạn 07 ngày, lãi suất ở mức 2,50%. Không có khối lượng trúng thầu, không có khối lượng lưu hành trên kênh này.
- Thị trường chứng khoán:** Hôm qua, thị trường biến động theo chiều hướng khá tiêu cực khi nhiều cổ phiếu lớn giảm sâu. Kết thúc phiên giao dịch, VN-Index giảm 7,1 điểm (-0,56%) xuống 1.261,99 điểm; HNX-Index vẫn giữ được sắc xanh với mức tăng 4,7 điểm (+1,66%) lên 287,03 điểm; UPCoM-Index giảm 0,3 điểm (-0,37%) xuống 81,17 điểm. Thanh khoản thị trường tăng nhẹ so với phiên trước đó với tổng giá trị giao dịch đạt trên 25.000 tỷ đồng. Khối ngoại tiếp tục bán ròng mạnh hơn 1.161 tỷ đồng trên cả 3 sàn.
- Theo số liệu của Tổng cục Hải quan, tháng 4/2021 cán cân thương mại hàng hóa cả nước thâm hụt 1,22 tỷ USD, lũy kế 4 tháng thặng dư 1,63 tỷ.** Trong đó, kim ngạch xuất khẩu tháng 4 đạt 25,55 tỷ USD, giảm 10,5% so với tháng 3; kim ngạch nhập khẩu đạt 27,77 tỷ, giảm 2,4%. Lũy kế từ đầu năm đến hết tháng 4, kim ngạch xuất khẩu đạt 104,94 tỷ USD, tăng tới 29,6% so với cùng kỳ năm 2020; kim ngạch nhập khẩu đạt 103,31 tỷ, tăng 31,8%. 4 tháng đầu năm 2021, kim ngạch xuất nhập khẩu cả nước đạt 208,25 tỷ USD; tăng 31,1% so với cùng kỳ năm ngoái.



	13 May 21	Ngày (%)	Tuần (%)	Đầu năm (%)
USD index	90.75	0.04%	-0.22%	0.91%
USD/CNY	6.45	-0.09%	-0.14%	-1.14%
USD/EUR	0.83	-0.07%	-0.12%	1.12%
USD/JPY	109.45	-0.18%	0.34%	6.02%
USD/KRW	1126.73	-0.53%	0.58%	3.90%
USD/SGD	1.33	-0.02%	0.00%	0.93%
USD/TWD	27.94	-0.29%	-0.04%	-0.48%
USD/THB	31.34	0.16%	0.35%	4.33%
USD/VND Trung tâm	23168	0.08%	-0.04%	0.16%
USD/VND LNH	23056	-0.04%	-0.03%	-0.14%
USD/VND tự do	23270	0.09%	-1.15%	-0.13%
Vàng	1826.57	0.61%	0.63%	-3.69%
Dầu	63.82	-3.42%	-1.38%	31.53%



Kỳ hạn	LIBOR		SIBOR	
	USD	TĐ	USD	TĐ
ON	0.0623	0.0023		
SW	0.0688	-0.0037		
1M	0.1009	0.0028	0.2650	0.0007
2M	0.1258	-0.0028		
3M	0.1559	0.0018	0.4361	0.0000
6M	0.1926	0.0025	0.5926	0.0000
1Y	0.2646	0.0002	0.0000	0.0000

Số liệu SIBOR ngày 12/05/2021

Lãi suất cơ bản các Ngân hàng Trung Ương

NHTW	Đồng tiền	Kỳ trước	Kỳ này	Ngày thay đổi	Cuộc họp tới
Mỹ	USD	1,25%	0,25%	15/03/2020	10/06/2021
Châu Âu	EUR	0,5%	0,00%	10/03/2016	10/06/2021
Anh	GBP	0,25%	0,10%	19/03/2020	24/06/2021
Nhật	JPY	0,10%	-0,10%	28/01/2016	16/06/2021
Australia	AUD	0,25%	0,10%	03/11/2020	01/06/2021

Nguồn: TCTK, NHNN, Hose, HNX, Thomson-Reuters, MSBResearch

Tin quốc tế

- Nước Mỹ đón một số thông tin kinh tế tích cực.** Đầu tiên, số đơn xin trợ cấp thất nghiệp lần đầu tại Mỹ tuần kết thúc ngày 08/05 được công bố ở mức 473 nghìn đơn, giảm xuống từ mức 507 nghìn đơn của tuần trước đó, tích cực hơn mức 487 nghìn đơn theo kỳ vọng. Đây là số đơn thấp nhất kể từ cuối tháng 03/2020 cho tới nay. Tiếp theo, chỉ số giá sản xuất PPI lõi và PPI toàn phần của nước này lần lượt tăng 0,7% và 0,6% m/m trong tháng 4 sau khi tăng 0,7% và 1,0% ở tháng 3, tích cực hơn dự báo tăng 0,4% và 0,3% của các chuyên gia. Một số ý kiến cho rằng giá sản xuất tăng ở hiện tại có thể khiến CPI của nước Mỹ tiếp tục tăng cao trong những tháng tới.
- Ngày 13/05, người phát ngôn Văn phòng Quản lý và ngân sách Mỹ cho biết, Tổng thống Mỹ Joe Biden sẽ công bố đề xuất ngân sách đầy đủ năm tài chính 2022 vào ngày 27/5 tới.** Những đề xuất ngân sách trên thường bao gồm thời hạn 10 năm và thường đưa ra các mục tiêu tài khóa như cân bằng ngân sách. Đối với Tổng thống Biden, đây sẽ là cơ hội để trình bày quan điểm thống nhất về cách các đề xuất chính của ông, bao gồm kế hoạch chi tiêu hàng năm 1,5 nghìn tỷ USD cho năm 2022, dự luật cứu trợ COVID-19 trị giá 1,9 nghìn tỷ USD đã được ban hành và ký thành luật vào tháng 3/2021, đề xuất 2,3 nghìn tỷ USD đối với kế hoạch cơ sở hạ tầng và kế hoạch 1,8 nghìn tỷ USD hỗ trợ cho các gia đình. Riêng đề xuất NS năm 2022 sẽ thúc đẩy chi tiêu trong nước lên 16%, tập trung chủ yếu vào y tế và giáo dục, trong khi cũng tăng chi tiêu quốc phòng lên 1,7%.
- Nhật Bản ghi nhận một số thông tin tiêu cực** Đầu tiên, giá trị cho vay tiêu dùng và kinh doanh tại quốc gia này tăng 4,8% y/y trong tháng 4, thấp hơn mức tăng 6,2% của tháng trước đó và trái với dự báo tăng lên thành mức 6,3%. Tiếp theo, cán cân vãng lai của nước Nhật thặng dư 1,70 nghìn tỷ JPY trong tháng 3, thấp hơn mức thặng dư 1,84 nghìn tỷ của tháng 3, đồng thời thấp hơn mức thặng dư 1,87 nghìn tỷ theo kỳ vọng.

Lịch công bố các chỉ số kinh tế:

Ngày	Giờ VN	Mức độ ảnh hưởng	Chỉ số kinh tế	Kỳ này	Dự báo	Kỳ trước
13-05	19:30	**	Số đơn xin trợ cấp thất nghiệp lần đầu tại Mỹ we	473K	487K	507K
13-05	19:30	*	PPI lõi Mỹ nm T4	0.7	0.4	0.7
13-05	19:30	*	PPI Mỹ nm T4	0.6	0.3	1.0
14-05	19:30	***	Doanh số bán lẻ lõi Mỹ nm T4		0.5	8.4
14-05	19:30	***	Doanh số bán lẻ toàn phần Mỹ nm T4		1.0	9.8
14-05	20:15	**	Sản lượng công nghiệp Mỹ nm T4		0.9	1.4
14-05	21:00	**	Niềm tin tiêu dùng sơ bộ UoM Mỹ T5		90.2	88.2

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT

VN-INDEX

Daily .VNI

11/25/2020 - 6/11/2021 (HAN)



VN-Index giảm nhẹ xuống mức 1.261,99 điểm. Chỉ số vẫn nhận được sự hỗ trợ từ nhóm các đường SMA ngắn hạn đang hướng lên tương ứng vùng 1.240-1.260 điểm.

Ngưỡng hỗ trợ: 1.240 – 1.220

Ngưỡng kháng cự: 1.260 – 1.280

NGÂN HÀNG TMCP HÀNG HẢI VIỆT NAM

TNR Tower, 54A Nguyễn Chí Thanh - Đống Đa - Hà Nội

ĐT: 04.3771 8989 - Ext: 6867

TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU KINH TẾ

Những người thực hiện:

Nguyễn Nữ Hoài Ninh - Trưởng nhóm

Email: ninhnh1@msb.com.vn

Hoàng Thị Thu Trang - CVCC Phân tích

Email: trangtt5@msb.com.vn

Nguyễn Trường Giang - CV Phân tích

Email: giangnt12@msb.com.vn

Những thông tin trên đây được Trung tâm Nghiên cứu kinh tế, MSB thu thập từ những nguồn được coi là đáng tin cậy. Những thông tin này chỉ mang tính tham khảo và Trung tâm Nghiên cứu kinh tế không chịu trách nhiệm về bất cứ tổn thất nào gây ra do việc sử dụng những thông tin trên vào mục đích kinh doanh. Những thông tin trên có thể thay đổi do diễn biến của thị trường và Trung tâm Nghiên cứu kinh tế không có trách nhiệm phải thông báo về những sự thay đổi này.

Mọi ý kiến đóng góp, đăng ký hoặc rút tên khỏi danh sách nhận bản tin, xin Quý khách vui lòng liên hệ qua địa chỉ: Research@msb.com.vn